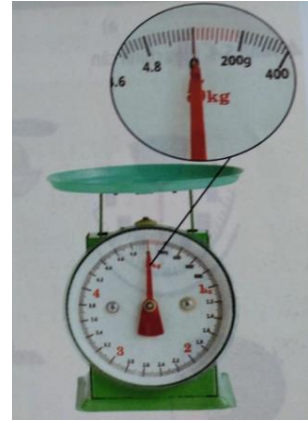


PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	MÔN KHTN LỚP 6								
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	TIẾT 10 – BÀI 5: ĐO KHỐI LƯỢNG								
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. - Đọc SGK trang 22, 23 (nội dung 1), trả lời các câu hỏi.	<u>A/. GHI NHỚ:</u> <u>1/. Đơn vị và dụng cụ đo khối lượng:</u> - Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta là kilôgam (kilogram), kí hiệu là kg. - Dụng cụ đo khối lượng là cân: cân đồng hồ, cân điện tử, cân y tế, cân Roberval...								
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. - Câu 1, 2 ghi câu trả lời vào vở. - Câu 3, 4, 5, 6, 7 ghi đáp án được chọn. <i>* Có thắc mắc về các bài tập thì ghi câu hỏi gửi cho GVBM (cô Ánh zalo 0367144996) hoặc thông qua người phát tài liệu học tập.</i>	<u>B/. BÀI TẬP:</u> 1/. Đổi các đơn vị đo sau: <table border="0"> <tr> <td>200 g = ... kg</td> <td>51 kg = ... tạ</td> </tr> <tr> <td>1,7 tấn = ... kg</td> <td>100 kg = ... tấn</td> </tr> </table> 2/. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau: a. Mọi vật đều có b. Người ta dùng để đo khối lượng. c. là khối lượng của một quả cân mẫu đặt ở viện đo lường quốc tế Pháp. 3/. Khi mua trái cây ở chợ, loại cân thích hợp là: A. Cân tạ B. Cân Roberval C. Cân đồng hồ D. Cân tiểu li 4/. Loại cân thích hợp để sử dụng cân vàng, bạc ở các tiệm vàng là: A. Cân tạ B. Cân đòn C. Cân đồng hồ D. Cân tiểu li 5/. Cân một túi hoa quả, kết quả là 14533 g. Độ chia nhỏ nhất của cân đã dùng là <table border="0"> <tr> <td>A. 1 g</td> <td>B. 5 g</td> </tr> <tr> <td>C. 10 g</td> <td>D. 100 g</td> </tr> </table>	200 g = ... kg	51 kg = ... tạ	1,7 tấn = ... kg	100 kg = ... tấn	A. 1 g	B. 5 g	C. 10 g	D. 100 g
200 g = ... kg	51 kg = ... tạ								
1,7 tấn = ... kg	100 kg = ... tấn								
A. 1 g	B. 5 g								
C. 10 g	D. 100 g								

- 6/. Cân đồng hồ ở hình bên có
- A. GHĐ 5 kg, ĐCNN 20 g
 - B. GHĐ 5 kg, ĐCNN 200 g
 - C. GHĐ 5 kg, ĐCNN 10 g
 - D. GHĐ 5 kg, ĐCNN 100 g



- 7/. Cân đồng hồ ở hình bên có
- A. GHĐ 90 kg, ĐCNN 1 kg
 - B. GHĐ 90 kg, ĐCNN 200 g
 - C. GHĐ 100 kg, ĐCNN 200 g
 - D. GHĐ 100 kg, ĐCNN 1 kg

